

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT

Ngày 09- 01-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Hồng;

*Các Thẩm phán:* Bà Chu Lệ Hương;

Ông Lộc Sơn Thái.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thúy Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Trương Nhật Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn L; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Hoàng Thị C và anh Nông Văn L kết hôn với nhau năm 2010 do gia đình gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, khi kết hôn chị C mới được 17 tuổi đến năm 2011 khi chị C đủ 18 tuổi thì vợ chồng đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng thường hay xảy ra, theo chị C nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L hay đánh đập chị mặt khác phía gia đình nhà chồng cũng gây áp lực đối với chị nhiều, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tết năm 2016 sau khi chị đi làm thuê bên Trung Quốc về thì chị C về bên ngoại sinh sống, không về nhà anh L sống nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Về phía anh L cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị C thích người khác rồi tự khác không về nhà chung sống với anh nữa, sau khi chị về bên ngoại anh đã đến gặp và khuyên chị quay về cùng anh chung sống nuôi dạy con, cụ thể ngày 29 tết năm 2017 anh cùng con xuống đón chị C về ăn tết, nhưng chị C không về, bố mẹ anh cũng khuyên bảo nhưng chị C không về, nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý vì anh thấy vẫn còn tình cảm với chị.

Về con chung: Hai anh chị có một con chung là Nông Thúy K, sinh ngày 13/4/2011. Hiện nay cháu K đang ở cùng với anh L, khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi con, nhưng theo nguyện vọng của cháu K muốn sống cùng anh L nên chị C cũng đồng ý để anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nông Thúy K, chị C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh L mức cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng. Anh L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc cháu K và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng 1.000.000đồng, phương thức cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Khi kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng được tặng và dành dụm tiền mua được 18 chỉ vàng ta và 26.000 Nhân dân tệ. Cả hai thống nhất quy đổi giá vàng và nhân dân tệ tại thời điểm ly hôn: 01 chỉ vàng = 3.300.000 đồng = 59.400.000đ; 01 NDT = 3.400đ = 26.000 x 3.400 = 88.400.000đ; Tổng giá trị tài sản chung là 147.000.000đ. Số vàng và tiền hiện đang do anh Nông Văn L đang quản lý. Nay ly hôn chị Hoàng Thị C yêu cầu chia đôi.

Nợ chung: Không có.

Với nội dung vụ án như trên tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83; Điều 33; Điều 59; khoản 1 Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; căn cứ điểm a, b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C, xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Nông Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Thúy K, sinh ngày 13/4/2011 cho anh Nông Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 9/2018, cho đến khi cháu Nông Thúy K đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C có quyền đi lại thăm con không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị C và anh Nông Văn L mỗi người được chia 09 chỉ vàng (vàng ta) và 13.000 Nhân dân tệ, tương đương số tiền là 73.900.000 đ (bảy mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện số tiền và vàng đang do anh Nông Văn L quản lý, anh L có trách nhiệm giao đủ cho chị Hoàng Thị C số tài sản chị C được chia.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, tuyên quyền kháng cáo cho các bên.

Trong hạn luật định ngày 04 tháng 10 năm 2018 bị đơn anh Nông Văn L có đơn kháng cáo, nội dung anh xác định bản thân vẫn còn tình cảm với chị C, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C để hai vợ chồng trở lại đoàn tụ nuôi dạy con chung, nếu chị C cương quyết ly hôn anh không đồng ý chia tài sản chung, số tài sản chung anh L đề nghị để lại cho anh sở hữu toàn bộ để anh nuôi con chung là cháu Nông Thúy K, chị Hoàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nữa.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Nông Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo. Lý do phân tài sản anh đề nghị chuyển sang tiền cấp dưỡng nuôi con một lần, như vậy anh không phải thanh toán giá trị tài sản cho chị và chị không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh nữa.

Chị Hoàng Thị C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo đoàn tụ anh đưa ra, chị cho rằng không thể về chung sống với anh được nữa, thực tế sau khi bản án sơ thẩm xử anh cũng chưa một lần đến gọi chị về. Bố anh khi chị muốn gặp con còn gây khó khăn không cho chị tiếp xúc với cháu.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Sau khi mâu thuẫn xảy ra chị C đã về bên ngoại ở, trong hồ sơ cũng thể hiện anh L đã có lần đánh chị C, vợ chồng trong cuộc sống thiếu tin tưởng nhau, anh nghi ngờ chị ngoại tình. Mâu thuẫn thật sự trầm trọng kể từ thời điểm chị bỏ về bên ngoại và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau xét xử sơ thẩm quan hệ vợ chồng chưa có chiều hướng cải thiện, án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản số tài sản theo án sơ thẩm xác định được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, chưa có căn cứ xác định 12 chỉ vàng và 8.000 nhân dân tệ là tài sản riêng của chị C. Bản án sơ thẩm chia đôi mỗi người sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là có cơ sở phù hợp với Điều 33, Điều 39 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không đồng ý chia tài sản mà để lại giá trị tài sản để anh sở hữu và nuôi con là không đảm bảo quyền lợi của chị C, bản án sơ thẩm đã xét xử yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng 800.000 đồng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử bác toàn bộ nội dung kháng cáo của anh L giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Nông Văn L: Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ, thấy rằng chị Hoàng Thị C và anh Nông Văn L kết hôn trên cơ sở do gia đình hai bên

mai mối và tổ chức cưới theo phong tục địa phương, không được tìm hiểu, nhưng có quen biết nhau. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do những mâu thuẫn, va chạm trong sinh hoạt hàng ngày, và kéo theo đó mâu thuẫn giữa gia đình chồng và chị C cũng căng thẳng, tuy hai bên gia đình cũng đã có đôi lần khuyên can nhưng vẫn không cải thiện được. Mâu thuẫn phát sinh trầm trọng chị C đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Quan hệ vợ chồng chấm dứt từ đó, mặt khác giữa hai bên không thể hàn gắn được tình cảm vì đã có những tin nhắn xúc phạm danh dự nhau. Vì vậy mặc dù anh L đến nhà đón chị về nhưng chị C không về. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L cho rằng còn tình cảm vợ chồng nhưng thực chất anh không đồng ý ly hôn là nhằm ràng buộc chị C, chứ không thực sự mong muốn đoàn tụ, vì anh không đưa ra biện pháp nào tích cực nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Vì vậy bản án sơ thẩm xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Nông Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh đưa ra không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo về tài sản chung thấy: Về tài sản cả hai đều thừa nhận khi kết hôn được hai bên gia đình tặng cho nữ trang và trong quá trình hôn nhân anh chị mua thêm được tổng số vàng là 18 chỉ vàng ta, và 26.000NDT, tổng giá trị tài sản là 147. 400.000 đồng, số tài sản này hiện nay anh L đang quản lý. Bản án sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và chia cho anh L và chị C mỗi người được quyền sở hữu 9 chỉ vàng ta và 13.000 NDT ra tiền Việt nam đồng là 73.900.000đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 33 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung cho chị Hoàng Thị C của anh L đưa ra không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo nội dung anh L không đồng ý thanh toán giá trị tài sản cho chị C, anh yêu cầu được giữ lại để anh nuôi dưỡng cháu K. Tại phiên tòa phúc thẩm anh yêu cầu chị thực hiện trợ cấp một lần cho con, chị C không đồng ý. Thấy, bản án sơ thẩm đã quyết định mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng chị C phải cấp dưỡng là 800.000đồng là phù hợp với thực tế thu nhập của chị C và phù hợp với quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Nội dung đề nghị của anh nếu trong quá trình thi hành án hai anh chị thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ thanh toán tài sản được, thì anh L sẽ không phải trả giá trị tài sản

cho chị C, nếu không thỏa thuận được thì anh L vẫn phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị C giá trị tài sản là 73.900.000đ. Nội dung kháng cáo yêu cầu chị C cấp dưỡng một lần tiền cấp dưỡng nuôi con là không đảm bảo quyền lợi của cháu Nông Thúy K. Vì vậy nội dung kháng cáo này của anh L không có cơ sở chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của anh Nông Văn L không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[5] Nhận định này cũng phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 33, khoản 2,3 Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và các điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTWQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn L, giữ nguyên quyết định của Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Nông Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thúy K, sinh ngày 13/4/2011 cho anh Nông Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2018, cho đến khi cháu Nông Thúy K đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị C và anh Nông Văn L mỗi người được chia 09 chỉ vàng (vàng ta) và 13.000 Nhân dân tệ, tương đương số tiền là 73.900.000 đ (Bảy mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện số tiền và vàng đang

do anh Nông Văn L quản lý, anh L có trách nhiệm giao đủ cho chị Hoàng Thị C số tài sản chị C được chia.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Anh Nông Văn L phải chịu 300.000đồng án dân sự phúc thẩm xung công quỹ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/05190 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;  
HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Hồng**